

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

**Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 kết thúc
vào ngày 30 tháng 06 năm 2010 đã được soát xét**



MỤC LỤC

Nội Dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-4
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 kết thúc vào ngày 30/06/2010.

Công Ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An được thành lập theo Biên bản thỏa thuận số 01/05 BB – HH-LA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công Ty Cổ Phần Hồng Hà Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1100682291 ngày 14/9/2005, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 12/01/2010 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp.

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám, ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng lắp đặt, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, thi công trang trí nội ngoại thất công trình, giao thông thủy lợi, cấp thoát nước. Xử lý môi trường. Giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu. Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản. Kinh doanh bất động sản. Cung cấp, lắp đặt đường dây trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh. Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy. Cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Sản xuất phân bón. Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao, vật tư hàng hóa. Mua bán máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ phụ tùng. Sản xuất, kinh doanh thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí.

Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ phần Hồng Hà - Long An do các cổ đông góp vốn. Vốn điều lệ của Công ty đến ngày 30/06/2010: **27.482.700.000** đồng.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty (Lãi): **1.099.220.408** đồng.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc Công ty tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:	Chức vụ
Ông : Phạm Văn Tiến	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Văn Nam	Ủy viên
Ông : Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên
Ông : Nguyễn Trọng Toán	Ủy viên
Ông : Trần Văn Sỹ	Ủy viên

Các thành viên của Ban kiểm soát gồm:

Ông : Hoàng Mạnh Tường	Trưởng ban
Ông : Nguyễn Duy Khương	Thành viên
Ông : Lê Quang Vinh	Thành viên



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

Các thành viên của Ban giám đốc gồm:

Ông : Phạm Văn Tiến

Ông : Nguyễn Văn Thanh

Ông : La Vĩnh Nhơn

Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám Đốc

Kế toán trưởng

Ông : Vũ Xuân Mạch

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2010, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Lập, ngày 31 tháng 08 năm 2010

TM. BAN GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Tiến

Số 662./BCKT/TCTp. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 của Công Ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 của **Công Ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An** bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2010 được trình bày từ trang 6 đến trang 28.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về báo cáo tài chính căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở soát xét của chúng tôi, chúng tôi nhận thấy không có sự kiện nào bất thường để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

**Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán
và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**

**ĐỖ KHẮC THANH**

Chứng chỉ KTV số: Đ 0064/KTV

Kiểm toán viên**LÊ VĂN THẮNG**

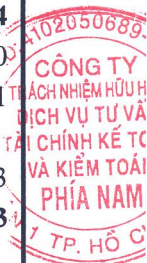
Chứng chỉ KTV số: 0974/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.263.078.133	45.719.969.641
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.988.776.113	3.334.787.155
1	Tiền	111	V.01	1.988.776.113	3.334.787.155
2	Các khoản tương đương tiền	112			
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121			
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129			
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.311.268.145	35.628.606.187
1	Phải thu khách hàng	131	V.02	36.970.763.464	37.195.592.447
2	Trả trước cho người bán	132	V.02	59.030.073	93.920.175
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5	Các khoản phải thu khác	135	V.02	273.197.069	330.816.026
6	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.02	(1.991.722.461)	(1.991.722.461)
IV.	Hàng tồn kho	140		5.882.928.483	3.598.756.195
1	Hàng tồn kho	141	V.03	5.882.928.483	3.598.756.195
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		4.080.105.392	3.157.820.104
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	2.216.163.803	1.532.771.580
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		68.810.642	95.805.851
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	1.795.130.947	1.529.242.673
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.146.620.580	28.642.208.193
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4	Phải thu dài hạn khác	218			
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II.	Tài sản cố định	220		20.345.953.920	20.197.239.533
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	13.721.533.868	14.262.870.767
-	Nguyên giá	222		23.218.066.170	22.417.066.170
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.496.532.302)	(8.154.195.403)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	4.253.241.013	3.537.132.813
-	Nguyên giá	225		5.869.605.642	4.783.009.781
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.616.364.629)	(1.245.876.968)



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3	Tài sản cố định vô hình	227		2.371.179.039	2.397.235.953
	- Nguyên giá	228	V.08	2.605.691.260	2.605.691.260
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(234.512.221)	(208.455.307)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	- Nguyên giá	241			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		7.117.750.000	7.882.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251			
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.09	7.117.750.000	7.882.000.000
4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V.	Tài sản dài hạn khác	260		682.916.660	562.968.660
1	Chi phí trả trước dài hạn	261			
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.10	682.916.660	562.968.660
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		75.409.698.713	74.362.177.834



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		41.827.449.865	38.859.861.779
I.	Nợ ngắn hạn	310		38.945.307.365	36.721.466.381
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	23.065.843.931	20.763.275.480
2	Phải trả người bán	312		13.400.235.773	12.767.913.908
3	Người mua trả tiền trước	313		1.456.032.362	2.163.779.486
4	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	314	V.12	191.341.845	396.610.386
5	Phải trả người lao động	315		295.659.050	367.733.100
6	Chi phí phải trả	316		-	-
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	941.223.822	535.894.420
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(405.029.418)	(273.740.399)
II.	Nợ dài hạn	330		2.882.142.500	2.138.395.398
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3	Phải trả dài hạn khác	333			
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.14	2.882.142.500	2.138.395.398
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8	Doanh thu chưa thực hiện	338			
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.582.248.848	35.502.316.055
I.	Vốn chủ sở hữu	410		33.582.248.848	35.502.316.055
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	27.482.700.000	27.482.700.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ	414			
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.15	2.119.678.737	2.027.762.786
8	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.15	1.180.457.450	1.134.499.474
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10	Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.15	2.799.412.661	4.857.353.795
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2	Nguồn kinh phí	432			
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		75.409.698.713	74.362.177.834



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hoá nhận gửi hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại (USD)				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Lập, ngày 27 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Mạch

Tổng Giám Đốc



Phạm Văn Tiến



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009 (Không soát xét)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.16	50.805.678.339	64.758.194.757
2	Các khoản giảm trừ	2	VI.17		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.18	50.805.678.339	64.758.194.757
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.19	48.453.428.055	56.994.135.316
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.352.250.284	7.764.059.441
6	Doanh thu tài chính	21	VI.20	2.343.988.338	15.723.410
7	Chi phí tài chính	22	VI.21	1.512.283.221	1.118.385.261
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.512.283.221	1.118.385.261
8	Chi phí bán hàng	24		297.014.227	594.773.015
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.992.605.599	1.840.710.838
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		894.335.575	4.225.913.737
11	Thu nhập khác	31	VI.22	419.809.397	59.475.238
12	Chi phí khác	32	VI.23	91.557.826	78.572.000
13	Lợi nhuận khác	40		328.251.571	(19.096.762)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.24	1.222.587.146	4.206.816.975
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	123.366.738	290.856.315
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.24	1.099.220.408	3.915.960.660
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.26	400	1.425



Lập, ngày 21 tháng 08 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



Phan Văn Vàng

Vũ Xuân Mạch

Phạm Văn Tiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009 (Không soát xét)
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	55.042.854.297	66.093.480.287
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(52.240.637.933)	(67.412.831.573)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.173.439.547)	(5.103.810.038)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(1.512.283.221)	(1.118.385.261)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(313.570.595)	(846.833.244)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.518.451.672	3.628.308.813
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.870.014.159)	(2.484.194.862)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(3.548.639.486)	(7.244.265.878)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.155.133)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		5.370.356
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.942.850.000)	
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.943.800.000	
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.288.338	15.723.410
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.035.238.338	7.938.633
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	43.470.939.453	28.807.579.843
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(40.890.368.047)	(22.199.772.978)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(729.511.300)	
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.683.670.000)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(832.609.894)	6.607.806.865
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	(1.346.011.042)	(628.520.380)
1	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.334.787.155	2.133.074.757
	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
2	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	1.988.776.113	1.504.554.377

Người lập biểu

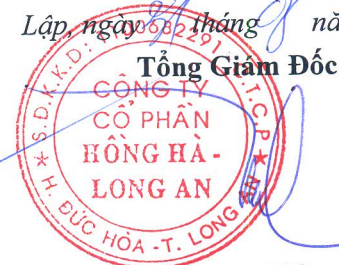
Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Mạch

Lập, ngày 22 tháng 1 năm 2010

Tổng Giám Đốc



Phạm Văn Tiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Hồng Hà - Long An được thành lập theo Biên bản thỏa thuận số 01/05 BB – HH-LA ngày 01/08/2005 về việc thành lập và góp vốn điều lệ cho Công Ty Cổ Phần Hồng Hà Long An. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1100682291 ngày 14/9/2005, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 12/01/2010 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng lắp đặt, sửa chữa các công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, thi công trang trí nội ngoại thất công trình, giao thông thủy lợi, cấp thoát nước. Xử lý môi trường. Giám sát xây dựng công trình, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp, lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu. Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản. Kinh doanh bất động sản. Cung cấp, lắp đặt đường dây trạm biến áp, thiết bị công nghiệp, hệ thống cơ điện lạnh. Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường thủy. Cho thuê thiết bị máy móc xây dựng, thiết bị dây chuyền công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng. Sản xuất phân bón. Sản xuất hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán trang thiết bị, dụng cụ trường học, bệnh viện, văn phòng, thể thao, vật tư hàng hóa. Mua bán máy móc, thiết bị dây chuyền công nghệ phụ tùng. Sản xuất, kinh doanh thiết bị xây dựng, kết cấu thép tiền chế, các sản phẩm cơ khí.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1- Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung được thực hiện trên máy vi tính.



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu tài chính và chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Công ty áp dụng nguyên tắc bình quân gia quyền để đánh giá hàng tồn kho.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(Công ty không có hàng hóa phải lập dự phòng)

3. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bắt kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại thông tư 203/2009/TT-BTC ban hành ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 10 năm
- Máy móc thiết bị	05 – 10 năm



- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Tài sản cố định vô hình	50 năm
- Tài sản thuê tài chính	06 – 08 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “chi phí đi vay”

5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ - LONG AN

Địa chỉ: Đường 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

(Công ty không phát sinh dự phòng cho các khoản nợ phải trả)

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được phân phối theo quy định tại điều lệ của Công ty.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

01- TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	177.832.846	686.039.653
- Tiền gửi ngân hàng	1.810.943.267	2.648.747.502
<i>Tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VND)</i>	1.810.943.267	2.648.747.502
+ Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển - CN TP.HCM	1.733.477.566	2.637.716.681
+ Ngân hàng Kỹ Thương - Techcombank	1.104.692	1.065.172
+ Ngân hàng ANZ	4.323.123	8.877.685
+ Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	72.037.886	1.087.964
CỘNG	1.988.776.113	3.334.787.155

Ghi chú: - Số dư tiền mặt tại quỹ khớp với biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt vào ngày 30/06/2010.
- Số dư cuối kỳ của tiền gửi tại các ngân hàng khớp với sổ phụ ngân hàng ngày 30/06/2010.

02- CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khách hàng (*)	36.970.763.464	37.195.592.447
- Trả trước cho người bán	59.030.073	93.920.175
- Các khoản phải thu khác	273.197.069	330.816.026
+ Công ty Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế VILC	165.252.398	94.815.006
+ Công ty Cho Thuê Tài Chính CILC	12.309.516	17.904.756
+ Phải thu khác (dư Nợ TK 338)	6.873.815	6.873.815
+ Thuế TNCN bị truy thu	71.808.340	71.808.340
+ Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	-	139.414.109
+ Phải thu khác	16.953.000	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	(1.991.722.461)	(1.991.722.461)
CỘNG	35.311.268.145	35.628.606.187

Ghi chú: (*) Các khoản công nợ phải thu khách hàng tại thời điểm ngày 30/06/2010 chưa được thực hiện đối chiếu xác nhận đầy đủ, chúng tôi ghi nhận theo số liệu của đơn vị. Theo ý kiến của đơn vị, các khoản nợ phải thu sẽ được đơn vị thực hiện đối chiếu xác nhận với khách hàng vào ngày 31/12/2010.

03- HÀNG TỒN KHO	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá gốc hàng tồn kho	5.882.928.483	3.598.756.195
+ Hàng mua đang đi đường	-	69.447.385
+ Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.263.009.763	2.443.071.132
+ Công cụ dụng cụ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(*)	3.619.918.720	1.086.237.678
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK		5.882.928.483	3.598.756.195

Ghi chú:

- (*): Giá trị trên chỉ tiêu chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (đầu kỳ và cuối kỳ) là số lượng bê tông đã xuất cho khách hàng vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán nhưng chưa được khách hàng xác nhận, đơn vị treo lại khoản chi phí này để khi có xác nhận của khách hàng mua bê tông, đơn vị sẽ xuất hóa để ghi nhận doanh thu và kết chuyển vào giá vốn. Giá trị này thực chất không phải là chi phí SXKD dở dang cuối kỳ.
- Trong số dư chi phí SXKD dở dang cuối kỳ có **534.504.117** đồng là khoản chi phí lắp đặt trạm bê tông 30m³/h cho Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & XD Công Nghệ 10 theo Hợp đồng kinh tế số 101-06/HĐKT ngày 25/09/2006. Chi phí này đến 30/06/2010 vẫn chưa quyết toán được với khách hàng.

04- CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ	98.966.106	490.651.575
- Chi phí sửa chữa tài sản	2.117.197.697	942.055.030
- Chi phí khác		100.064.975
CỘNG	2.216.163.803	1.532.771.580

05- TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

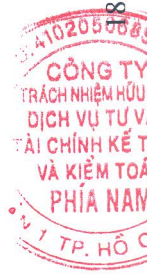
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Các khoản tạm ứng cá nhân	1.795.130.947	1.529.242.673
CỘNG	1.795.130.947	1.529.242.673

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

06- TẶNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa - Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	4.438.855.154	5.582.354.027	12.034.097.949	169.365.703	192.393.337	22.417.066.170
2. Số tăng trong kỳ	-	501.000.000	300.000.000	-	-	801.000.000
- Tăng do mua sắm mới		501.000.000	300.000.000			801.000.000
- Tăng khác						-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý						-
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối kỳ	4.438.855.154	6.083.354.027	12.334.097.949	169.365.703	192.393.337	23.218.066.170
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	1.439.774.048	2.085.709.383	4.466.975.350	123.257.974	38.478.648	8.154.195.403
2. Khấu hao trong kỳ	217.423.446	353.623.221	752.131.044	9.539.526	9.619.662	1.342.336.899
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm do thanh lý						-
4. Số dư cuối kỳ	1.657.197.494	2.439.332.604	5.219.106.394	132.797.500	48.098.310	9.496.532.302
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
1. Tại ngày đầu năm	2.999.081.106	3.496.644.644	7.567.122.599	46.107.729	153.914.689	14.262.870.767
2. Tại ngày cuối kỳ	2.781.657.660	3.644.021.423	7.114.991.555	36.568.203	144.295.027	13.721.533.868



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

07- TĂNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ			
1. Số dư đầu năm	-	4.783.009.781	4.783.009.781
2. Số tăng trong kỳ	1.086.595.861	-	1.086.595.861
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- <i>Giảm do thanh lý</i>			
- <i>Giảm khác</i>			
4. Số dư cuối kỳ	1.086.595.861	4.783.009.781	5.869.605.642
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	-	1.245.876.968	1.245.876.968
2. Khấu hao trong kỳ	33.956.121	336.531.540	370.487.661
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- <i>Giảm do thanh lý</i>			
- <i>Giảm khác</i>			
4. Số dư cuối kỳ	33.956.121	1.582.408.508	1.616.364.629
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuế tài chính			
1. Tại ngày đầu năm	-	3.537.132.813	3.537.132.813
2. Tại ngày cuối kỳ	1.052.639.740	3.200.601.273	4.253.241.013



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

08- TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ		
1. Số dư đầu năm	2.605.691.260	2.605.691.260
2. Số tăng trong kỳ	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.605.691.260	2.605.691.260
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	208.455.307	208.455.307
2. Khấu hao trong kỳ	26.056.914	26.056.914
3. Số giảm trong kỳ	-	-
4. Số dư cuối kỳ	234.512.221	234.512.221
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình		
1. Tại ngày đầu năm	2.397.235.953	2.397.235.953
2. Tại ngày cuối kỳ	2.371.179.039	2.371.179.039

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

09- ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tên cổ phiếu	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
1. Cổ phiếu Công ty Cổ phần XD&KD địa ốc Tân Kỳ	10.000	190.900.000	110.000	2.100.000.000
2. Cổ phiếu Công ty Cổ phần ĐT&PT Hồng Hà	629.685	6.296.850.000	508.200	5.082.000.000
3. Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hồng Hà - Bà Rịa	63.000	630.000.000	70.000	700.000.000
CỘNG		7.117.750.000		7.882.000.000

Lý do tăng giảm đối với từng khoản đầu tư:

- Cổ phiếu Công ty Cổ phần XD&KD địa ốc Tân Kỳ giảm 100.000 Cp, tương ứng 1.909.100.000 đồng là do Công ty thực hiện bán Cổ phiếu theo Biên bản họp Hội đồng quản trị mở rộng số: 64/09/BB-HĐQT ngày 13/11/2009.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần ĐT&PT Hồng Hà tăng 121.485 Cp, tương ứng 1.214.850.000 đồng là do Công ty thực hiện kế hoạch góp vốn đợt 4 theo thông báo số 10/TB-HĐQT ngày 15/01/2010 của Công ty Cổ phần ĐT&PT Hồng Hà.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hồng Hà - Bà Rịa giảm 7.000 Cp, tương ứng 70.000.000 đồng là do Công ty Cổ phần Hồng Hà - Bà Rịa giảm 10% vốn điều lệ, Công ty nhận lại tiền.

10- TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ký quỹ thuê tài chính - Công ty Cho Thuê Tài Chính Quốc tế (VILC)	423.289.945	303.341.945
- Đặt cọc mua xe trộn bê tông & cọc bơm ngang - Công ty Cho Thuê Tài Chính (CILC)	187.626.715	187.626.715
- Đặt cọc thuê mặt bằng	72.000.000	72.000.000
CỘNG	682.916.660	562.968.660

11- VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn	21.603.798.013	18.396.752.806
+ Vay ngắn hạn của các cá nhân	50.000.000	300.000.000
* Ông Vũ Xuân Mạch	50.000.000	-
* Ông Nguyễn Trần Long	-	300.000.000
+ Vay ngắn hạn Cty CP Đầu Tư & Xây Dựng COTEC	200.000.000	-
+ Vay ngắn hạn NH Đầu Tư & Phát Triển - CN TPHCM	19.926.406.893	15.103.965.364
+ Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	1.427.391.120	2.992.787.442



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

- Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>1.462.045.918</u>	<u>2.366.522.674</u>
+ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển - CN TPHCM	861.766.870	1.457.766.870
+ Ngân hàng ANZ	32.703.732	63.177.533
+ Công ty cho thuê tài chính Quốc tế VN VILC	398.003.892	493.006.847
+ Công ty cho thuê tài chính Quốc tế CILC	169.571.424	352.571.424
CỘNG	<u>23.065.843.931</u>	<u>20.763.275.480</u>

Ghi chú:

- Số dư các khoản vay ngân hàng khớp với xác nhận của ngân hàng tại ngày 30/06/2010.
- Số dư khoản vay các cá nhân khớp với biên bản xác nhận vốn vay tại ngày 30/06/2010.
- Khoản vay ngắn hạn **Ngân hàng Đầu Tư Và Phát Triển - CN TPHCM** được thực hiện theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 00310/2010/0000490 ngày 20/05/2010, trong đó:

+ **Hạn mức tín dụng:** **20.000.000.000**

(Hạn mức này đã bao gồm dư nợ vay và bảo lãnh thanh toán của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 00310/2009/0000355 ngày 12/05/2009).

+ **Tài sản thế chấp:**

* Quyền sử dụng đất tại xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 02/2005/1007218 ngày 02/12/2005.

* Tài sản gắn liền với đất là Nhà máy bê tông số 1 tại xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 04/2007/1007218 ngày 14/02/2007.

* Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 42/2006/1007218 ngày 14/08/2006.

* Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 39/2007/1007218 ngày 30/05/2007.

* Tài sản gắn liền với đất là Nhà máy bê tông số 2 tại xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 26/2007/1007218 ngày 08/05/2007.

* Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 38/2007/1007218 ngày 30/05/2007.

* Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 115/2007/1007218 ngày 15/11/2007.

* Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 75/2008/1007218 ngày 23/09/2008.

* Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 43/2008/1007218 ngày 17/06/2008.

* Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 71/2007/1007218 ngày 02/08/2007.

* Thế chấp tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng nhà máy bê tông số 3 tại Xã Lợi Bình Nhơn, Thị xã Tân An, tỉnh Long An.

* Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng ĐT&PT - CNTPHCM và tại các Tổ chức tín dụng khác.

* Các khoản phải thu theo các Hợp đồng được ký kết giữa Bên vay và đối tác khác mà Bên vay là người thụ hưởng.

- Khoản vay ngắn hạn **Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex** được thực hiện theo hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 0603.SG/HĐTDHM/PGB ngày 23/07/2009, trong đó:



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

+ Hạn mức tín dụng:	3.000.000.000
+ Tổng giá trị tài sản thế chấp:	3.550.000.000
(Bao gồm: 01 trạm trộn bê tông tươi, 01 xe xúc, 16 xe vận chuyển bê tông tươi.)	

12- THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	100.403.266	115.467.950
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	90.938.579	281.142.436
CỘNG	191.341.845	396.610.386

13- CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	326.140.739	262.671.949
- Phải trả, phải nộp khác (Tiền đặt cọc của lái xe)	174.000.000	191.000.000
- Bảo hiểm y tế	28.229.833	5.114.142
- Bảo hiểm xã hội	170.454.468	48.826.284
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.155.237	-
- Thuế TNCN 2008 phải trả CNV theo quyết toán thuế	17.328.990	17.328.990
- Thuế TNCN được miễn phải trả người môi giới	10.953.055	10.953.055
- Cổ tức phải trả cho cổ đông	64.600.000	-
- Phải trả về sửa chữa	137.361.500	-
CỘNG	941.223.822	535.894.420

14- VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vay dài hạn	537.616.641	537.616.641
+ Vay Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam - CN Tp. HCM	532.005.012	532.005.012
+ Vay dài hạn Ngân hàng ANZ	5.611.629	5.611.629
- Nợ dài hạn	2.344.525.859	1.600.778.757
+ Thuê tài chính - Công ty cho thuê tài chính VILC	1.843.097.283	1.099.350.181
+ Thuê tài chính - Công ty cho thuê tài chính CILC	501.428.576	501.428.576
CỘNG	2.882.142.500	2.138.395.398

Ghi chú: - Số dư các khoản vay dài hạn khớp với xác nhận của các ngân hàng tại ngày 30/06/2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÒA LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

15- VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	27.482.700.000	-	-	1.608.088.304	924.662.233	3.083.930.179
Tăng vốn trong năm trước						4.535.459.896
Lãi trong năm trước				419.674.482	209.837.241	
Tăng khác						
Giảm vốn trong năm trước						
Lỗ trong năm trước						
Giảm khác						
Số dư cuối năm trước	27.482.700.000	-	-	2.027.762.786	1.134.499.474	2.762.036.280
Số dư đầu năm nay	27.482.700.000	-	-	2.027.762.786	1.134.499.474	4.857.353.795
Tăng vốn trong kỳ này						
Lãi trong kỳ này						
Tăng khác				91.915.951	45.957.976	1.099.220.408
Giảm vốn trong kỳ này						
Lỗ trong kỳ này						
Giảm khác						
Số dư cuối kỳ này	27.482.700.000	-	-	2.119.678.737	1.180.457.450	3.157.291.542
						2.799.412.661



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của các cổ đông (Bao gồm các Cổ đông sáng lập và các Cổ đông khác)	27.482.700.000	27.482.700.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.482.700.000	27.482.700.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	27.482.700.000	27.482.700.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	27.482.700.000	27.482.700.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	2.683.670.000	
d. Cổ phiếu	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.748.270	2.748.270
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu phổ thông	2.748.270	2.748.270
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/cp (Mười ngàn đồng / cổ phiếu).		
e. Các quỹ của doanh nghiệp	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.119.678.737	2.027.762.786
- Quỹ dự phòng tài chính	1.180.457.450	1.134.499.474
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(405.029.418)	(273.740.399)
Cộng	2.895.106.769	2.888.521.861

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16- TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CCDV	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán hàng	50.805.678.339	64.758.194.757
CỘNG	50.805.678.339	64.758.194.757

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

17- CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu thương mại		
- Hàng bán bị trả lại		
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
CỘNG	-	-
18- DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CCDV	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu thuần về bán hàng	50.805.678.339	64.758.194.757
CỘNG	50.805.678.339	64.758.194.757
19- GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn hàng bán	48.453.428.055	56.994.135.316
CỘNG	48.453.428.055	56.994.135.316
20- DOANH THU TÀI CHÍNH	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	34.288.338	15.723.410
- Thu nhập về hoạt động mua bán chứng khoán	2.309.700.000	
CỘNG	2.343.988.338	15.723.410
21- CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí lãi vay vốn cố định (vay dài hạn ngân hàng)	124.365.472	237.037.155
- Chi phí lãi vay vốn lưu động (vay ngắn hạn ngân hàng)	1.181.532.967	417.126.954
- Chi phí lãi thuê tài chính	171.949.360	187.677.652
- Chi phí lãi vay cá nhân và đối tượng khác	34.435.422	276.543.500
CỘNG	1.512.283.221	1.118.385.261
22- THU NHẬP KHÁC	Kỳ này	Kỳ trước
- Chiết khấu được hưởng	280.391.100	54.104.882
- Xử lý công nợ	101.758.997	
- Thu nhập khác	37.659.300	5.370.356
CỘNG	419.809.397	59.475.238



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

23- CHI PHÍ KHÁC	Kỳ này	Kỳ trước
- Chí phí khác	91.557.826	78.572.000
CỘNG	91.557.826	78.572.000

24- THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

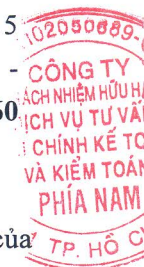
	Kỳ này	Kỳ trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.222.587.146	4.206.816.975
- Các khoản điều chỉnh Tăng hoặc Giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	
+ Các khoản điều chỉnh Tăng		
+ Các khoản điều chỉnh Giảm		
- Tổng thu nhập chịu thuế	1.222.587.146	4.206.816.975
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	123.366.738	290.856.315
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.099.220.408	3.915.960.660

Ghi chú:

- Thu nhập chịu thuế của nhà máy 1, nhà máy 2, nhà máy 3 được xác định theo tỷ lệ doanh thu của
- Thuế suất thuế TNDN của nhà máy 1 là 15%, nhà máy 2 và nhà máy 3 là 25%.
- Công ty đang trong giai đoạn được giảm 50% thuế TNDN.

25- PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2010

- Lợi nhuận còn lại đầu kỳ	(1)	4.857.353.795
- Lợi nhuận kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010	(2)	1.099.220.408
- Điều chỉnh tăng lợi nhuận	(3)	130.000
- Các khoản phân phối trong 6 tháng đầu năm 2010	(4)	3.157.291.542
+ Các khoản chi từ lợi nhuận sau thuế		74.231.664
+ Trích thù lao HĐQT		105.000.000
+ K/c lợi nhuận sang TK 3388 để chia cổ tức		2.748.270.000
+ Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)		91.915.951
+ Trích quỹ dự phòng tài chính (5%)		45.957.976
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (10%)		91.915.951
- Lợi nhuận còn lại đến ngày 30/06/2010 = (1)+(2)+(3)-(4)		2.799.412.661



CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ LONG AN

Địa chỉ: Đường số 20, KCN Hoàng Gia Long An, Xã Mỹ Hạnh Nam, Đức Hòa, Long An.

26- LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.099.220.408	3.915.960.660
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.748.270	2.748.270
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	400	1.425

27- SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng Cân đối kế toán là số liệu của năm tài chính 2009 kết thúc ngày 31/12/2009, đã được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS). Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu của Báo cáo 6 tháng năm 2009 của đơn vị không soát xét.

Người lập biểu

Phan Văn Vàng

Kế toán trưởng

Vũ Xuân Mạch

Lập, ngày 31 tháng 08 năm 2010

Tổng Giám Đốc



Phạm Văn Tiến

